

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: ĐỊA LÍ 10 (CHUYÊN)

Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)

Khóa thi ngày: 15/3/2024

Câu 1. (4,0 điểm)

- a) Giải thích sự khác biệt đặc điểm thời tiết các mùa trong năm của vùng ôn đới ở bán cầu Bắc.
b) Chứng minh nước là nhân tố ngoại lực quan trọng làm biến đổi địa hình bề mặt Trái Đất.

Câu 2. (4,0 điểm)

- a) Vì sao không khí trên Trái Đất có nhiệt độ? Giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.
b) Vì sao thủy chế sông ngòi ở khu vực ôn đới gió mùa thất thường hơn thủy chế sông ngòi ở khu vực ôn đới hải dương? Tại sao nước ngầm trên lục địa phân bố không đều?

Câu 3. (3,0 điểm)

- a) So sánh và giải thích sự khác nhau về tuổi của đất ở miền nhiệt đới và miền ôn đới. Tại sao sinh vật phân bố không đều khắp chiều dày của sinh quyển?
b) Chứng minh địa hình cũng mang tính địa đới.

Câu 4. (3,0 điểm)

- a) Vì sao tỉ suất sinh thô ở các nước đang phát triển hiện nay đang có xu hướng giảm?
b) Trình bày sự khác biệt về đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển và các nước đang phát triển.

Câu 5. (4,0 điểm)

- a) Giải thích sự khác nhau về tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tổng thu nhập quốc gia (GNI) giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.
b) Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH PHÂN THEO LOẠI HÌNH CỦA THẾ GIỚI
GIAI ĐOẠN 2010 – 2019

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Loại hình	Tham quan, giải trí	Tôn giáo, y tế, thăm thân	Công vụ
2010		491,5	263,3	130,1
2015		638,1	322,0	158,3
2017		739,8	358,7	167,2
2019		784,8	377,7	175,1

(Nguồn: Tổ chức Du lịch Thế giới, 2022)

- Theo bảng số liệu trên, để thể hiện cơ cấu số lượng khách du lịch phân theo loại hình của thế giới giai đoạn 2010 - 2019, có thể dùng các dạng biểu đồ nào?
- Nhận xét tốc độ tăng trưởng số lượng khách du lịch phân theo loại hình của thế giới giai đoạn 2010 – 2019.
- Trình bày vai trò của du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

Câu 6. (2,0 điểm)

Phân tích tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ đến các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm
Họ và tên thí sinh..... Số báo danh.....

HDC CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM
MÔN: ĐỊA LÍ 10 (CHUYÊN)

(Bản hướng dẫn này gồm 05 trang)

Câu	Nội dung	Điểm
1.		4,0
a.	Giải thích sự khác biệt đặc điểm thời tiết các mùa trong năm của vùng ôn đới ở bán cầu Bắc.	2,0
	- Mùa xuân từ 21/3-22/6 là lúc Bắc bán cầu dần nghiêng về phía mặt trời, góc nhập xạ lớn, nhiệt độ tăng dần nhưng vì mới bắt đầu nên mặt đất chưa tích lũy nhiệt nên nhiệt độ chưa cao, tiết trời ẩm áp.	0,5
	- Mùa hạ từ 22/6-23/9 là lúc Bắc bán cầu còn nghiêng về phía mặt trời, góc nhập xạ lớn, nhiệt độ tăng dần cộng nhiệt lượng được mặt đất tích lũy từ mùa xuân nên nhiệt độ cao, thời tiết nóng.	0,5
	- Mùa thu 23/9-22/12 là lúc Nam bán cầu dần nghiêng về phía mặt trời, Bán cầu bắc góc nhập xạ nhỏ, nhiệt lượng thấp nhưng còn nhiệt lượng mặt đất tích lũy trong mùa hạ nên chưa lạnh, thời tiết mát mẻ.	0,5
	- Mùa đông 22/12 – 21/3 là lúc Nam bán cầu còn nghiêng về phía mặt trời, Bán cầu bắc góc nhập xạ nhỏ, mặt đất tiêu hao hết nhiệt lượng dự trữ nên nhiệt độ thấp, thời tiết lạnh.	0,5
b.	Chứng minh nước là nhân tố ngoại lực quan trọng làm biến đổi địa hình bề mặt Trái Đất.	2,0
	- Nước là một tác nhân ngoại lực quan trọng làm biến đổi địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.	0,25
	- Phong hóa + Sự đóng băng của nước, sự va đập của dòng nước... góp phần phá hủy đá về mặt cơ giới (<i>phong hóa lí học</i>).	0,25
	+ Tác động hòa tan khoáng vật của nước làm biến đổi thành phần hóa học của đất đá, tạo ra những dạng địa hình độc đáo (<i>cacxtơ</i>).	0,25
	- Quá trình bóc mòn + Xâm thực do nước chảy tràn tạo các rãnh nông, do dòng chảy tạm thời tạo các khe rãnh xói mòn, do dòng chảy thường xuyên tạo thành thung lũng sông.	0,25
	+ Mài mòn do sóng biển tạo nên địa hình hàm ếch sóng vỗ, ... do băng hà tạo nên vịnh biển, cao nguyên băng hà,....	0,25
	- Quá trình vận chuyển, bồi tụ + Động năng của nước vận chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác, hình thành nhiều dạng địa hình mới trên Trái Đất.	0,25
	+ Kết quả bồi tụ do sông ngòi hình thành đồng bằng châu thổ, bãi bồi...	0,25
	+ Sóng cũng vận chuyển vật liệu tạo nên các dạng địa hình bồi tụ như bãi biển, thềm bồi tụ, cồn cát,	0,25
2.		4,0
a	Nhiệt độ không khí do đâu mà có. Giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất?	2,0
	Vì sao không khí trên Trái Đất có nhiệt độ	0,5

Câu	Nội dung	Điểm
	- Nguyên nhân tạo ra nhiệt độ không khí là nguồn bức xạ Mặt Trời trực tiếp và nhiệt của bề mặt Trái Đất được Mặt Trời đốt nóng (<i>chủ yếu</i>).	0,25
	- Các tia bức xạ Mặt Trời chiếu thẳng xuống Trái Đất làm cho mặt đất nóng lên; sau đó, mặt đất sẽ bức xạ ngược trở lại vào không khí, làm cho không khí nóng lên.	0,25
	<i>Giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất</i>	1,5
	- Nhiệt lượng bức xạ Mặt Trời đến bề mặt Trái Đất thay đổi theo góc chiếu của tia bức xạ Mặt Trời và thời gian chiếu sáng.	0,25
	- Từ xích đạo về hai cực góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng giảm dần nên nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ xích đạo về hai cực.	0,25
	- Do sự hấp thụ và tỏa nhiệt khác nhau giữa lục địa và đại dương nên nhiệt độ không khí cũng có sự khác nhau giữa lục địa và đại dương.	0,25
	- Những địa điểm có nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa.	0,25
	- Độ cao địa hình có sự tác động đến sự thay đổi nhiệt độ không khí, ở tầng đối lưu càng lên cao không khí càng loãng không hấp thụ và giữ được nhiều nhiệt nên nhiệt độ càng giảm.	0,25
	- Sườn phơi nắng góc nhập xạ lớn nên có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng. Độ dốc và hình thái địa hình cũng tác động đến sự thay đổi nhiệt độ không khí.	0,25
b.	Vì sao thủy chế sông ngòi ở khu vực ôn đới gió mùa thất thường hơn thủy chế sông ngòi ở khu vực ôn đới hải dương? Tại sao nước ngầm trên lục địa phân bố không đều?	2,0
	<i>* Vì sao thủy chế sông ngòi khu vực ở khu vực ôn đới gió mùa thất thường hơn thủy chế sông ngòi ở khu vực ôn đới hải dương?</i>	0,75
	- Sông được cung cấp nước từ hai nguồn chính là nước ngầm và nước trên mặt (nước mưa, băng tuyết tan). Tuy nhiên nước ngầm ít biến động, nên chế độ nước sông phụ thuộc lớn vào nguồn cung cấp nước trên mặt.	0,25
	- Khu vực ôn đới gió mùa, thủy chế sông ngòi chịu sự chi phối bởi hoạt động của gió mùa, mùa hạ mưa nhiều, mùa đông ít mưa. Sông ngòi khu vực ôn đới gió mùa có thủy chế trong năm với 2 mùa. Mùa lũ và mùa cạn có sự tương phản nhau lớn về lưu lượng nước và chế độ nước.	0,25
	- Khu vực ôn đới hải dương có khí hậu ôn hòa, mùa đông ấm, mùa hạ mát, mưa diễn ra quanh năm. Sông ngòi ở khu vực ôn đới hải dương có thủy chế điều hòa, sự tương phản giữa mùa lũ và mùa cạn trong năm không lớn lắm.	0,25
	<i>* Tại sao nước ngầm trên lục địa phân bố không đều?</i>	1,25
	- Nước ngầm tồn tại ở dưới bề mặt đất, nước ngầm nhiều hay ít, nằm sâu hay cạn phụ thuộc vào nhân tố hình thành:	
	- Nguồn cung cấp nước: Nước trên bề mặt (<i>nước mưa, băng tan..</i>) khác nhau ở mọi nơi trên Trái Đất. Vì vậy lượng nước ngầm, mực nước ngầm khác nhau.	0,25
	- Đặc điểm địa hình: địa hình dốc nước chảy nhanh nên thấm ít, mặt đất bằng phẳng, nước thấm nhiều.	0,25
	- Cấu tạo của đất đá: Nếu kích thước các hạt đất đá lớn sẽ tạo thành khe hở rộng, thấm nước nhiều; ngược lại, hạt nhỏ tạo khe hở nhỏ, nước thấm ít.	0,25
	- Mức độ bốc hơi: nơi có lượng bốc hơi càng mạnh, nước ngầm càng ít và nằm khá sâu.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Lớp phủ thực vật: Ở nơi cây cỏ nhiều, nước theo thân cây và rễ cây thấm xuống nhiều hơn, tạo nước ngầm dồi dào hơn so với vùng cây cối ít.	0,25
3.		3,0
a.	So sánh và giải thích tuổi của đất ở miền nhiệt đới và miền ôn đới. Tại sao sinh vật phân bố không đều khắp chiều dày của sinh quyển?	2,0
	<i>So sánh và giải thích tuổi của đất ở miền nhiệt đới và miền ôn đới.</i>	1,0
	- Đất ở miền nhiệt đới có tuổi già hơn đất ở miền ôn đới.	0,25
	- Nguyên nhân	
	+ Vì ở miền nhiệt đới, quá trình hình thành đất không bị gián đoạn còn đất ở miền ôn đới thì chỉ mới được hình thành sau thời kì băng hà Đệ Tứ.	0,25
	+ Miền nhiệt đới có chế độ nhiệt, ẩm cao, sinh vật phong phú nên quá trình phân hủy đá và hình thành đất diễn ra nhanh	0,25
	+ Miền ôn đới chế độ nhiệt, ẩm thấp nên quá trình phá hủy đá, hình thành đất diễn ra chậm.	0,25
	* Tại sao sinh vật phân bố không đều khắp chiều dày của sinh quyển?	1,0
	- Sinh quyển có độ dày khoảng 30-35 km. Giới hạn trên của sinh quyển là nơi tiếp giáp tầng ô-zôn của khí quyển. Giới hạn dưới ở lục địa là đáy lớp vỏ phong hoá, ở đại dương xuống tận hồ sâu đại dương.	0,25
	- Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển mà tập trung vào nơi có thực vật mọc dày ở phía trên bề mặt đất.	0,25
	- Giải thích:	
	+ Sự phân bố của sinh vật chịu tác động tổng hợp của các nhân tố như khí hậu, đất, sinh vật, địa hình, con người...nhưng các nhân tố này không giống nhau ở các nơi trên Trái Đất.	0,25
	+ Khoảng vài chục mét ở phía trên và phía dưới bề mặt đất là nơi có các yếu tố khí hậu, đất, sinh vật...thích hợp và thuận lợi nên sinh vật tập trung hầu hết ở đây. Ở nơi có độ sâu lớn hơn hoặc độ cao lớn hơn, điều kiện sống không thuận lợi, ít loài thích nghi được nên sinh vật thưa thớt.	0,25
b.	Chứng minh địa hình cũng mang tính địa đới.	1,0
	- Ở vùng nhiệt đới ẩm : Phong hóa hóa học là chủ yếu, tạo nên các dạng địa hình cacxtơ. Đồng thời, vai trò hình thành địa hình của dòng nước đóng vai trò quan trọng, biểu hiện điển hình ở địa hình thung lũng sông, các đồng bằng châu thổ, các bãi bồi sông....	0,5
	- Ở vùng nhiệt đới hoặc ôn đới có khí hậu khô hạn: Phong hóa vật lí diễn ra chủ yếu, hình thành các dạng địa hình do gió (<i>cồn cát, nấm đá,...</i>).	0,25
	- Ở vùng cực, cận cực có khí hậu băng giá, lạnh: Phong hóa vật lí diễn ra chủ yếu, hình thành địa hình do băng hà (<i>dạng địa hình điển hình như đá trăn cừu, hồ băng hà,...</i>).	0,25
4.		3,0
a	Vì sao tỉ suất sinh thô ở các nước đang phát triển hiện nay đang có xu hướng giảm?	1,0
	- Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình, nhiều nước thực hiện triệt để chính sách giảm mức sinh.	0,25
	- Kinh tế - xã hội phát triển, nhu cầu đời sống vật chất tinh thần cao. Người dân quan tâm nhiều hơn đến công việc, đến chất lượng cuộc sống.	0,25
	- Tâm lý xã hội, phong tục, tập quán, vấn đề giới, nạn tảo hôn, đa thê... có chuyển biến tích cực, hủ tục lạc hậu được xóa bỏ.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm												
	- Nhận thức của người dân về vấn đề dân số được nâng cao đã góp phần hạn chế mức sinh.	0,25												
b.	Điểm khác biệt về đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển và các nước đang phát triển	2,0												
	<table><tr><td>Nhóm nước phát triển</td><td>Nhóm nước đang phát triển</td></tr><tr><td>Đô thị hóa diễn ra sớm, gắn với quá trình công nghiệp hóa</td><td>Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn với quá trình công nghiệp hóa và bùng nổ dân số</td></tr><tr><td>Tỉ lệ dân đô thị cao, tốc độ tăng dân số thành thị giảm.</td><td>Tỉ lệ dân đô thị thấp, tốc độ tăng dân số thành thị nhanh.</td></tr><tr><td>Quá trình hình thành các cụm đô thị, siêu đô thị được đẩy mạnh.</td><td>Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh.</td></tr><tr><td>Trình độ đô thị hóa cao, cơ sở hạ tầng đô thị hoàn thiện và hiện đại.</td><td>Trình độ đô thị hóa thấp, cơ sở hạ tầng đô thị yếu kém.</td></tr><tr><td colspan="2">(Thí sinh có thể nêu các ý khác nhau nhưng đúng vẫn được điểm, tuy nhiên tổng điểm câu không vượt quá 2,0)</td></tr></table>	Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển	Đô thị hóa diễn ra sớm, gắn với quá trình công nghiệp hóa	Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn với quá trình công nghiệp hóa và bùng nổ dân số	Tỉ lệ dân đô thị cao, tốc độ tăng dân số thành thị giảm.	Tỉ lệ dân đô thị thấp, tốc độ tăng dân số thành thị nhanh.	Quá trình hình thành các cụm đô thị, siêu đô thị được đẩy mạnh.	Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh.	Trình độ đô thị hóa cao, cơ sở hạ tầng đô thị hoàn thiện và hiện đại.	Trình độ đô thị hóa thấp, cơ sở hạ tầng đô thị yếu kém.	(Thí sinh có thể nêu các ý khác nhau nhưng đúng vẫn được điểm, tuy nhiên tổng điểm câu không vượt quá 2,0)		<div>0,5</div> <div>0,5</div> <div>0, 5</div> <div>0, 5</div>
Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển													
Đô thị hóa diễn ra sớm, gắn với quá trình công nghiệp hóa	Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn với quá trình công nghiệp hóa và bùng nổ dân số													
Tỉ lệ dân đô thị cao, tốc độ tăng dân số thành thị giảm.	Tỉ lệ dân đô thị thấp, tốc độ tăng dân số thành thị nhanh.													
Quá trình hình thành các cụm đô thị, siêu đô thị được đẩy mạnh.	Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh.													
Trình độ đô thị hóa cao, cơ sở hạ tầng đô thị hoàn thiện và hiện đại.	Trình độ đô thị hóa thấp, cơ sở hạ tầng đô thị yếu kém.													
(Thí sinh có thể nêu các ý khác nhau nhưng đúng vẫn được điểm, tuy nhiên tổng điểm câu không vượt quá 2,0)														
5.		4,0												
a.	Giải thích sự khác nhau về tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tổng thu nhập quốc gia (GNI) giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.	1,0												
	- Tổng thu nhập quốc gia (GNI) bằng GDP cộng chênh lệch giữa thu nhập nhân tố sản xuất từ nước ngoài với thu nhập nhân tố sản xuất cho nước ngoài, trong một thời kì nhất định, thường là một năm. (thí sinh nêu đúng khái niệm GDP, GNI cho 0,25đ)	0,25												
	- GNI lớn hơn hay nhỏ hơn GDP tùy thuộc mối quan hệ kinh tế (đầu tư, vốn, lao động...) giữa một nước với nhiều nước khác.	0,25												
	- Các nước phát triển có nền kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế hiện đại, chủ yếu phát triển công nghiệp và dịch vụ, đẩy mạnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Do đó, ở các nước phát triển, chênh lệch nhân tố sản xuất từ nước ngoài với nhân tố sản xuất cho nước ngoài dương, GDP nhỏ hơn GNI.(thí sinh có thể nói đầu tư ra nước ngoài> nhận đầu tư nên $GNI > GDP$)	0,25												
	- Các nước đang phát triển nền kinh tế còn kém phát triển, chủ yếu phát triển nông nghiệp, đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa nên nhận nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài. Vì vậy mà chênh lệch nhân tố sản xuất từ nước ngoài với nhân tố sản xuất cho nước ngoài âm, GDP lớn hơn GNI.(thí sinh có thể nói đầu tư ra nước ngoài< nhận đầu tư nên $GNI < GDP$)	0,25												
b.		3,0												
	* Để biểu hiện cơ cấu số lượng khách du lịch phân theo loại hình của thế giới giai đoạn 2010 – 2019, các dạng biểu đồ thích hợp là: Tròn, miền, cột chồng. (thí sinh nêu đúng được tên 2 loại biểu đồ được 0,25 đ)	0,5												
	* Nhận xét:	1,5												

Câu	Nội dung	Điểm																									
	<div>- <i>Bảng xử lý số liệu:</i> TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH PHÂN THEO LOẠI HÌNH CỦA THỂ GIỚI GIAI ĐOẠN 2010 – 2019 (Đơn vị: %)</div> <table><tr><th>Năm</th><th>Loại hình</th><th>Tham quan, giải trí</th><th>Tôn giáo, y tế, thăm thân</th><th>Công vụ</th></tr><tr><td>2010</td><td></td><td>100</td><td>100</td><td>100</td></tr><tr><td>2015</td><td></td><td>129,8</td><td>122,3</td><td>121,7</td></tr><tr><td>2017</td><td></td><td>150,5</td><td>136,2</td><td>128,5</td></tr><tr><td>2019</td><td></td><td>159,7</td><td>143,4</td><td>134,6</td></tr></table>	Năm	Loại hình	Tham quan, giải trí	Tôn giáo, y tế, thăm thân	Công vụ	2010		100	100	100	2015		129,8	122,3	121,7	2017		150,5	136,2	128,5	2019		159,7	143,4	134,6	0,25
Năm	Loại hình	Tham quan, giải trí	Tôn giáo, y tế, thăm thân	Công vụ																							
2010		100	100	100																							
2015		129,8	122,3	121,7																							
2017		150,5	136,2	128,5																							
2019		159,7	143,4	134,6																							
	<div><i>Nhận xét:</i></div> <div>- Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng số lượng khách du lịch phân theo loại hình của thể giới giai đoạn 2010 – 2019 đều tăng liên tục nhưng tốc độ không đều.</div>	0,5																									
	<div>- Trong đó:</div> <div>+ Tốc độ tăng trưởng khách thuộc loại hình tham quan, giải trí tăng nhanh nhất, tăng 59,7%.</div>	0,25																									
	<div>+ Tốc độ tăng trưởng khách thuộc loại hình tôn giáo, y tế, thăm thân tăng khá nhanh, tăng 43,4%.</div>	0,25																									
	<div>+ Tốc độ tăng trưởng khách thuộc loại hình công vụ tăng chậm nhất, tăng 34,6%.</div>	0,25																									
	<div><i>Vai trò của du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.</i></div>	1,0																									
	<div>- <i>Với phát triển kinh tế:</i></div> <div>+ Góp phần khai thác, sử dụng hợp lí và hiệu quả các nguồn lực của đất nước. Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế liên quan.</div>	0, 25																									
	<div>+ Tạo việc làm, giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân, tăng nguồn ngân sách quốc gia và địa phương.</div>	0,25																									
	<div>- <i>Với xã hội:</i></div> <div>+ Đáp ứng nhu cầu tinh thần, phục hồi và bồi dưỡng sức khỏe cho con người. Bảo tồn, phát triển các giá trị văn hoá – lịch sử.</div>	0,25																									
	<div>- <i>Với môi trường:</i> bảo vệ, khôi phục và tôn tạo môi trường (tự nhiên và nhân văn).</div>	0,25																									
6	<div>Phân tích tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ đến các nguồn tài nguyên thiên nhiên?</div>	2,0																									
	<div>- Tác động tích cực:</div> <div>+ Tiến bộ khoa học công nghệ giúp mở rộng thêm danh mục tài nguyên thiên nhiên (<i>dẫn chứng: phát hiện những nguồn tài nguyên mới, nguồn tài nguyên tái tạo như năng lượng Mặt Trời, năng lượng thủy triều, địa nhiệt, gió, sóng...</i>)</div>	0,5																									
	<div>+ Tiến bộ khoa học công nghệ góp phần làm tăng giá trị của tài nguyên thiên nhiên (<i>dẫn chứng: ngoài việc lấy xăng, dầu, từ dầu mỏ có thể sản xuất ra nhiều loại sản phẩm khác nhau</i>). Công nghệ tạo điều kiện khai thác hợp lí và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tránh tình trạng lãng phí tài nguyên</div>	0,5																									
	<div>+ Sản xuất ra các vật liệu mới thay thế vật liệu tự nhiên, giảm áp lực khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên (<i>dẫn chứng: con người chế tạo được cao su nhân tạo thay thế cho cao su tự nhiên; vật liệu composite do con người sản xuất ra được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành kinh tế; chất dẻo tổng hợp...</i>).</div>	0,5																									

Câu	Nội dung	Điểm
	- Hạn chế: khoa học công nghệ càng phát triển mạnh, tốc độ khai thác tài nguyên thiên nhiên càng lớn, nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên (<i>dẫn chứng: năng lượng than, dầu khí, ... ngày càng cạn kiệt</i>).	0,5
Tổng	Câu 1 + câu 2 + câu 3 + câu 4 + câu 5 + câu 6	20

* **Lưu ý:** Nếu thí sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng thì vẫn cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.

----- HẾT -----